

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 08 - 5 - 2023

“V/việc ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Tuyết

2. Bà Phạm Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Triệu Sinh Thủy – Thư ký Tòa án thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2023 tại Hội trường xét xử số 2, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 397/2022/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXX-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2023/QĐST – HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Đỗ Thị H

Sinh năm: 1981

Trú tại: thôn X, xã T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh

“vắng mặt” (có đơn xin xử vắng mặt)

2. Bị đơn: anh Lê Văn T

Sinh năm: 1977

Trú tại: thôn X, xã T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh

“vắng mặt” (lần 2 và có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Đỗ Thị H trình bày có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: chị Đỗ Thị H và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 27/12/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Tú hay chơi bời, cờ bạc, không quan tâm đến gia đình, vợ con, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tình cảm gì với nhau nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: giữa chị H và anh Lê Văn T có 02 người con chung là Lê Văn T1, sinh ngày 12/12/1998 và Lê Thị T, sinh ngày 29/10/2002, hiện 02 con chung đều đã thành niên, phát triển và khỏe mạnh bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, khoản nợ chung: chị H trình không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 17/3/2023, bà Hà Thị Thới – Trưởng thôn X, xã T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh cho biết: trong quá trình chung sống với nhau, hai vợ chồng chị H và anh Tú có xảy ra mâu thuẫn xô xát với nhau, vào cuối năm 2022 chị H đã dọn về nhà ngoại ở.

Nguyên đơn là chị Đỗ Thị H có đơn xin xử vắng mặt, nội dung đơn xin xử vắng mặt chị H có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với bị đơn là anh Lê Văn T.

Bị đơn là anh Lê Văn T mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc; tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 26/4/2023 anh Tú có quan điểm đồng ý ly hôn với chị Đỗ Thị H.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật: quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn cũng có đơn xin xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đỗ Thị H với anh Lê Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

Nguyên đơn là chị Đỗ Thị H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Văn T nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về việc “ly hôn”. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: thôn X, xã T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long,

tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Lê Văn T Bị vắng mặt lần thứ hai và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn cũng có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào bản tự khai của đương sự, biên bản xác minh và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định:

Về quan hệ hôn nhân: chị Đỗ Thị H và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 27/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Thống Nhất, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn thời gian đầu chị H và anh Tú chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh Tú không quan tâm đến gia đình, vợ con, vợ chồng không còn tình cảm, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện chị H và anh Tú đã sống ly thân được một thời gian. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh Tú đã kéo dài và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, người nào chỉ biết bỏn phận người ấy. Do vậy Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đỗ Thị H. Chị H được ly hôn với anh Lê Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: giữa chị H và anh Lê Văn T có 02 người con chung là Lê Văn T1, sinh ngày 12/12/1998 và Lê Thị T, sinh ngày 29/10/2002, hiện 02 con chung đều đã thành niên, phát triển và khỏe mạnh bình thường nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, khoản nợ chung: chị H trình không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: nguyên đơn chị Đỗ Thị H phải chịu án phí hôn ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 264; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng: khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là chị Đỗ Thị H với bị đơn là anh Lê Văn T.

Chị Đỗ Thị H được ly hôn với anh Lê Văn T.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Buộc nguyên đơn là chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: 0001060 ngày 12 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Chị H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND tp Hạ Long;*
- *Chi cục THADS tp Hạ Long;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *UBND xã Thống Nhất, tp Hạ Long;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, vp.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hùng